

Số: 03/2021/QĐST-DS

Tam Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1960

Nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Nguyễn Thị Th là ông Trần Văn M, sinh năm 1960 (Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2021).

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện N, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh Đoàn Tấn T, sinh năm 1985

Nơi ĐHKTT: ấp K, xã Q, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Phan Thị Thu T và ông Trần Văn M thống nhất thỏa thuận phần đất

thuộc quyền sử dụng của chị T tại thửa 92, diện tích 1535,4 m², gồm các cột mốc số: 01, 02, 03, 04, 05, 06 và 01 (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/11/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường), mục đích sử dụng: Đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do chị Phan Thị Thu T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản:

- Chị T và ông M mỗi bên phải chịu 1.052.750 đồng tiền chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản.

- Ông M đã giao cho chị T số tiền 1.052.750 đồng (chị T đã nhận xong) và được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng chi phí khảo sát đo đạc là 10.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 08/7/2020 nên chị T còn được nhận lại số tiền là 7.894.500 đồng (10.000.000 đồng - 1.052.750 đồng - 1.052.750 đồng) tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình (chị T đã nhận xong).

2.3. Về án phí:

- Chị T phải chịu 625.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí là 481.000 đồng theo biên lai thu số Nợ 0010117 ngày 06/5/2020 nên chị T còn phải nộp thêm số tiền là 144.300 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Ông M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 625.300 đồng. Do ông M là người cao tuổi nên ông M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 5 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông M không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.